

Số: 224/KH-THCSHQ

Đông Triều, ngày 29 tháng 09 năm 2022

KẾ HOẠCH

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học Năm học 2022- 2023

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Thông tư quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT”;

Thực hiện Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/12/2011 của Bộ GD&ĐT về quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và HS THPT;

Thực hiện công văn số 1034 /PGD&ĐT-THCS ngày 15/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc “Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2022 - 2023”.

Trường THCS Hoàng Quế xây dựng kế hoạch thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học năm học 2022 - 2023 cụ thể như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Năm học 2022-2023 nhà trường có: 27 CBGV, NV trong đó:

Thông kê	Số lượng			Trình độ chuyên môn			
	Biên chế	HĐ không XĐTH	HĐ 1 năm	TC	CĐ	ĐH	Thạc sĩ
CB-GV-NV	27	0	0	1	3	20	3

2. Học sinh

- Năm học 2022-2023 trường THCS Hoàng Quế có 13 lớp; tổng số học sinh là 536 em. Chia ra:

+ Khối 6: 3 lớp/132 HS

+ Khối 7: 4 lớp/143 HS

+ Khối 8: 3 lớp/127 HS

+ Khối 9: 3 lớp/134 HS

3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Có 12 phòng học; có 04 phòng bộ môn trong đó có 1 phòng học Tin học; 01 phòng thí nghiệm Hóa-Sinh, 01 phòng thí nghiệm Lý - Công nghệ, 01 phòng học Ngoại ngữ.

- Hàng năm nhà trường mua sắm bổ sung, sửa chữa các trang thiết bị, đồ dùng dạy học và tài liệu tham khảo liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá; xây dựng nguồn học liệu trên trang Web.

4. Đánh giá tình hình thực hiện đổi mới Kiểm tra - đánh giá của nhà trường trong thời gian qua

- Hàng năm BGH đã chỉ đạo các giáo viên và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch đổi mới kiểm tra đánh giá theo các bộ môn và được tổ chuyên môn cũng như BGH kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện đổi mới KT-ĐG thường xuyên. Song chưa được cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá, việc đánh giá về nghiệp vụ giáo viên, về đổi mới quá trình giáo dục. Do đó hiệu quả tác động đến đổi mới của giáo viên chưa cao, đôi khi mang tính bình quân chủ nghĩa, nể nang trong đánh giá vẫn còn.

- Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho dạy và học theo hướng đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học đã được nhà trường chú trọng đầu tư, đặc biệt hệ thống thiết bị công nghệ thông tin phòng học thông minh, và các phòng học bộ môn đủ để cho giáo viên tiếp cận với việc đổi mới KT- ĐG cho học sinh, nên việc KT- ĐG học sinh ở các bộ môn không chỉ dừng lại là kiểm tra viết mà đã được giáo viên thay đổi hình thức kiểm tra như chấm bài thực hành, phiếu học tập, chấm vở bài tập của học sinh, qua các câu hỏi tương tác giữa GV và HS trực tiếp trên lớp hoặc qua hình thức học trực tuyến...Đặc biệt, các hình thức kiểm tra trên đã phát huy có hiệu quả trong thời gian học sinh học trực tuyến tại nhà do nghỉ học để phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

2. Tổ trưởng chuyên môn tập hợp kế hoạch kiểm tra của các bộ môn trong tổ, kiểm tra tính chính xác và trình Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch này phải có trong hồ sơ chuyên môn của giáo viên, tổ chuyên môn, đơn vị để làm căn cứ để thực hiện và phục vụ cho công tác kiểm

tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra định kì theo ma trận, đặc tả ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết (nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học); Thông hiểu (diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, phân tích, giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập); Vận dụng (kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học); Vận dụng cao (vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống). Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

4. Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì:

- Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, việc xây dựng ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra cần phối hợp câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận theo tỉ lệ phù hợp, được biên soạn theo mức độ cần đạt của các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Khuyến khích các nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá.

- Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kĩ năng được sử dụng.

- Thực hiện đánh giá thường xuyên trực tiếp hoặc trực tuyến bằng các hình thức: hỏi - đáp; viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

5. Nghiên cứu, xây dựng và chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định (*Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lí và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường*

xuyên), bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

Đối với môn Ngữ văn: Thực hiện nghiêm túc theo công văn 2447/ SGD &ĐT ngày 30/8/2022 về hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn cấp trung học từ năm học 2022-2023.

6. Với mỗi môn học, cần tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

C. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Chỉ tiêu

- Tổ trưởng chuyên môn và các giáo viên trong nhà trường được tham gia tập huấn về đổi mới KT đánh giá theo năng lực học sinh. Đảm bảo và thực hiện có hiệu quả các Thông tư mới ban hành (TT26/2020; TT 22/2021) về kiểm tra đánh giá học sinh.

- Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả đổi mới SH chuyên môn đổi mới cách thức KT các bộ môn theo đúng hướng dẫn đã được tập huấn.

- 100% GVBM xây dựng kế hoạch đổi mới KT-ĐG và nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt.

- 100% đề kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ của GV được tổ chuyên môn phê duyệt và được lưu giữ trong hồ sơ tổ chuyên môn.

II. Các biện pháp

1. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra

- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch kiểm tra KT-ĐG chi tiết, rõ ràng, đầy đủ ở tất cả các môn, thống nhất thời điểm kiểm tra định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ) đối với các bộ môn theo chỉ đạo của Phòng GD và sát với thực tế nhà trường; phổ biến, quán triệt tới toàn thể giáo viên, tổ chuyên môn triển khai thực hiện.

2. Tổ chức kiểm tra chung theo khối lớp đối với các môn học

2.1. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ

- Tiếp tục thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ chung theo khối đối với tất cả các khối lớp. Nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra trong đó thống nhất thời điểm kiểm tra chung cho các lớp trong khối cụ thể như sau:

- + Học kỳ 1: thống nhất vào tuần 9

- + Học kỳ 2: thống nhất vào tuần 26

- Các giáo viên dạy trong 1 khối đều phải ra đề kiểm tra, Ban giám hiệu lựa chọn 1 trong số các đề hoặc tất cả các đề làm đề kiểm tra chính thức; chịu trách nhiệm về tính bảo mật của đề kiểm tra. Bài kiểm tra được lưu tại nhà trường đến khi kết thúc năm học phục vụ công tác kiểm tra của các cấp quản lý. Sau mỗi bài

kiểm tra cần có đánh giá phân tích về ưu điểm, nhược điểm trong học tập/nhóm chuyên môn để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm ở bài kiểm tra sau nhằm làm tốt việc kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

2.2. Đối với bài kiểm tra cuối kỳ

- Thực hiện theo công văn hướng dẫn của Phòng GD&ĐT, thống nhất thời điểm kiểm tra cụ thể như sau:

+ Học kỳ 1: thống nhất vào tuần 18

+ Học kỳ 2: thống nhất vào tuần 35

3. Yêu cầu về đề kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

3.1. Đối với Khối lớp 6,7

Thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (gọi tắt là Thông tư 22), Công văn số 2613/BGDĐT ngày 23/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai thực hiện chương trình GDTrH năm học 2021-2022; Công văn số 2406/SGDĐT - GDPT ngày 27/8/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư 22. Cụ thể:

3.1.1. Hình thức đánh giá đối với các môn học

- Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

- Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại trong Chương trình giáo dục phổ thông; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

3.1.2. Thời lượng và số lần kiểm tra, đánh giá

a. Đánh giá thường xuyên

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học như sau:

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét: mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐGtx) trong mỗi học kỳ như sau:

- * Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐGtx.
- * Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐGtx.
- * Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐGtx.

b. Đánh giá định kỳ

- Đánh giá định kỳ gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính):

- * Đối với môn học có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút;
- * Đối với môn học có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút;
- * Đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

+ Trong mỗi học kỳ, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá giữa kỳ và 01 (một) lần đánh giá cuối kỳ.

- Trong mỗi học kỳ, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kỳ (sau đây viết tắt là ĐĐGgk) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kỳ (sau đây viết tắt là ĐĐGck).

- Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kỳ.

- Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

3.1.3. Một số lưu ý

- Môn Lịch sử và Địa lí bao gồm 02 phân môn Lịch sử và Địa lí, mỗi phân môn chọn 02 điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong một học kỳ; bài kiểm tra,

đánh giá định kì gồm nội dung của 02 phân môn theo tỷ lệ tương đương về nội dung dạy học của 02 phân môn tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

- Môn Nghệ thuật bao gồm 02 nội dung Âm nhạc và Mĩ thuật, mỗi nội dung chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong từng học kì; khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm 02 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét; kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả 2 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được đánh giá mức Đạt.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương: giáo viên được phân công dạy học nội dung nào thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với nội dung đó; khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Giao cho nhóm giáo viên được phân công giảng dạy quyết định việc chọn 02 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì theo quy định.

3.2. Đối với các khối 8, 9

Tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT- BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (Gọi tắt là Thông tư 58); Thông tư số 26/2020/TT- BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư 58. Cụ thể

3.2.1. Yêu cầu về đề kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- Đối với bài kiểm tra thường xuyên:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

+ Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 26.

- Đối với các bài kiểm tra định kỳ:

+ Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của các câu hỏi/bài tập để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học. Xây dựng nội dung đề kiểm tra bao quát, thực tiễn tiếp cận đánh giá năng lực học sinh, tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Bài kiểm tra kết hợp một cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về nhân vật, sự kiện lịch sử, về giá trị các di sản để lại, về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương....

- Quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và khả năng của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập.

- Tạo điều kiện để HS tự đánh giá (cá nhân tự đánh giá, đánh giá nhóm, đánh giá lẫn nhau).

3.2.2. Hệ số điểm, số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì

a. Hệ số điểm

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐG_{tx}): tính hệ số 1.
- Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐG_{gk}): tính hệ số 2.
- Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐG_{ck}): tính hệ số 3.

b. Số điểm KTĐG thường xuyên và định kì

Trong mỗi học kì, số ĐĐG_{tx}, ĐĐG_{gk} và ĐĐG_{ck} của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

*** Kiểm tra, đánh giá thường xuyên**

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐG_{tx};
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐG_{tx};
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐG_{tx}.

*** Kiểm tra, đánh giá định kì**

- Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) ĐĐG_{gk} và 01 (một) ĐĐG_{ck};
- Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

3.2.3. Đối với môn Tiếng Anh

- Đối với môn tiếng Anh (khối lớp 8, 9): Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 và Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT về việc sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực

tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2015-2016.

4. Đánh giá học sinh khuyết tật

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, giáo dục học sinh khuyết tật theo hướng dẫn tại Công văn số 501/SGDĐT-GDTrH ngày 05/3/2020 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong trường trung học; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 về quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

- Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

5. Về hình thức đề kiểm tra, hướng dẫn chấm

Thống nhất theo khung mẫu tại công văn 748/PGD&ĐT-THCS, ngày 22/8/2019 của phòng GD&ĐT Đông triều về việc kết luận sau Hội nghị tập huấn “Đổi mới kiểm tra theo hướng phát triển năng lực người học” cấp THCS năm học 2019-2020 (theo phụ lục 1 gửi kèm).

6. Kế hoạch bài kiểm tra

- Bài kiểm tra thường xuyên: đối với bài kiểm tra viết cần có đề bài và đáp án, biểu điểm các hình thức kiểm tra khác cần có yêu cầu và định hướng kết quả cần đạt.

- Bài kiểm tra định kỳ: theo các bước sau:

I. Mục tiêu

1. Kiến thức (thể hiện rõ yêu cầu về 4 mức độ tư duy)
2. Kỹ năng
3. Thái độ
4. Định hướng phát triển năng lực (năng lực chung, năng lực chuyên biệt)

II. Hình thức kiểm tra

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận: Tỷ lệ: ...% (TNKQ) và ...% (TL).

III. Ma trận (Bảng ma trận)

Bảng đặc tả đề kiểm tra

IV. Đề kiểm tra

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan

Phần 2. Tự luận

V. Đáp án, biểu điểm

VI. Kết quả kiểm tra: Thống kê số lượng điểm kiểm tra, tỷ lệ % của học sinh các lớp theo từng mức điểm

VII. Rút kinh nghiệm

7. Quy định cách thức xây dựng đề kiểm tra ở các môn

Tiếp tục thực hiện công văn 748/PGD&ĐT-THCS, ngày 22/8/2019 của phòng GD&ĐT Đông triều về việc kết luận sau Hội nghị tập huấn “Đổi mới kiểm tra theo hướng phát triển năng lực người học” cấp THCS năm học 2019-2020 (theo phụ lục 2 gửi kèm)

8. Xây dựng kế hoạch quy định số bài kiểm tra

- Số bài kiểm tra: Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Thông tư quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT” và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT. Cụ thể:

+ Đối với bài kiểm tra định kì: Trong mỗi học kì, mỗi môn học có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐGgk) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐGck).

+ Đối với bài kiểm tra thường xuyên: (theo phụ lục 3 gửi kèm)

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hiện chủ trương đổi mới, tích cực đổi mới và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện đổi mới PPDH và PPKT-ĐG; định hướng cho giáo viên phương pháp thực hiện đúng theo hướng dẫn của PGD.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên theo kế hoạch.

- Tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên thực hiện thành công việc đổi mới KTĐG trong năm học. Thường xuyên động viên, khuyến khích phát huy năng lực công tác của GVNV; Kiên quyết xử lý các sai phạm trong công tác.

- Phê duyệt Kế hoạch môn học và các hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên làm căn cứ để thanh tra, kiểm tra.

- Tiến hành hướng dẫn giáo viên thực hiện KTĐG phát triển năng lực học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; thực hiện đánh giá tiết dạy của giáo viên, hướng dẫn ra đề kiểm tra có hiệu quả, đảm bảo kiểm tra khách quan năng lực học sinh.

- Thống nhất nội dung sinh hoạt trong cụm chuyên môn để cùng nhau trao đổi, xây dựng đề kiểm tra chung đối với bộ môn Tiếng Anh.
- Thường xuyên bao quát các hoạt động chuyên môn, kiểm tra đánh giá theo định kỳ, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm và yếu kém; chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chuyên môn.

2. Trách nhiệm của các tổ trưởng CM

- Bám sát các văn bản hướng dẫn và các ý kiến chỉ đạo của BGH nhà trường về các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, triển khai đầy đủ cho tổ viên thông qua các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn.
- Chủ động trong việc chủ trì sinh hoạt tổ chuyên môn bàn về các biện pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng đối tượng học sinh; Phổ biến các cách dạy hay, có hiệu quả cho tổ viên.
- Giúp BGH kiểm soát kế hoạch dạy học của các giáo viên trong tổ.
- Chủ trì sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn.
- Đôn đốc việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên trong tổ.
- Tham gia vào quá trình bình xét thi đua.

3. Trách nhiệm của giáo viên bộ môn

- Mỗi giáo viên bộ môn phải xem việc đổi mới KTĐG theo định hướng phát triển năng lực của học sinh là một việc làm thường xuyên và được thể hiện cụ thể ngay trong tất cả các khâu của cả quá trình dạy học.
- Tất cả các giáo viên phải có ý thức tự học tập nâng cao trình độ giảng dạy thông qua việc thường xuyên dự giờ, học tập kinh nghiệm từ các đơn vị bạn, nghiên cứu cách dạy hay, tra cứu thông tin trên mạng, tham gia nghiêm túc và vận dụng triệt để các nội dung đã được tập huấn, tuân thủ tuyệt đối chỉ đạo từ phía HT nhà trường.
- Mỗi giáo viên phải tích cực học tập nghiên cứu tài liệu và tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn của phòng GD tổ chức.
- Trực tiếp triển khai thực hiện KHDH các môn được phân công giảng dạy.

Trên đây là kế hoạch thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá của trường THCS Hoàng Quế năm học 2022-2023. Yêu cầu các Tổ chuyên môn và giáo viên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Các tổ CM (t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Ngọc Dung

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-THCSHQ ngày 27/9/2022
của trường THCS Hoàng Quế)

HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**1. Đối với bài kiểm tra giữa kì**

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ...
NĂM HỌC...

MÔN:

Ngày kiểm tra: .../.../.....

Thời gian làm bài: phút

Câu 1. (..... điểm)

Câu 2. (..... điểm)

Câu 3. (.... điểm)

Câu 4. (.....điểm

-----Hết-----

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI KT GIỮA KỲ...
NĂM HỌC...
MÔN:...

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu 1. (..... điểm)	a,		
	b,		
	c,		
			
Câu ... (..... điểm)	a,		
	b,		
			
Tổng			10

2. Đối với bài kiểm tra cuối kì
PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC

MÔN:

Ngày kiểm tra: .../.../.....

Thời gian làm bài: phút

Câu 1. (.... điểm)

Câu 2. (.... điểm)

Câu 3. (.... điểm)

Câu 4. (....điểm)

.....

-----Hết-----

- Học sinh.....sử dụng tài liệu. Giám thị coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

Họ tên học sinh.....lớp:.....SBD.....

Chữ ký giám thị:.....

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM CHẤM KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC
MÔN:

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu 1. (.... điểm)	a,		
	b,		
	c,		
			
Câu ... (.... điểm)	a,		
	b,		
			
Tổng			10

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Kế hoạch số /KH- THCSHQ ngày 27/9/2022
của trường THCS Hoàng Quế)

QUY ĐỊNH CÁCH THỨC XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA Ở CÁC MÔN

1. Môn Ngữ văn

a. Cấu trúc đề kiểm tra định kì

Lớp 6,7: (Chương trình Ngữ văn 2018)

Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận

- KTCK + KT VĂN: I. Đọc hiểu(Trắc nghiệm)

II. Làm văn (Hình thức tự luận - Câu hỏi mở)

Tỉ Lệ điểm: Đọc hiểu 60%, làm Văn : 40%

- Phần làm văn có thể đưa 2 dạng đề hs được lựa chọn, các yêu cầu này có thể cùng hoặc khác dạng bài.

Lớp 8,9: Chương trình Ngữ văn hiện hành

Hình thức: Tự luận

Đề kiểm tra gồm 2 phần: Đọc hiểu và làm văn

Tỉ Lệ điểm: Đọc hiểu 30% HS vận dụng kĩ năng để đọc hiểu ngữ liệu (văn bản ngoài chương trình đồng dạng với các kiểu văn bản đã học) làm Văn : 70% Yêu cầu hs vận dụng kiến thức kĩ năng đã có để tạo lập đoạn văn và tạo lập văn bản

b. Xây dựng câu hỏi ra đề kiểm tra

- Dạng câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn.

- Câu trả lời ngắn nằm trong phần đọc hiểu.

- Đề KT giữa kỳ: Thời gian 90 phút, gồm phần Tự luận, nếu đã kiểm tra năng lực tạo lập đoạn văn thì thôi năng lực tạo lập văn bản.

- Đề KT cuối kỳ: Thời gian 90 phút, phần Tự luận phải đảm bảo kiểm tra cả hai năng lực tạo lập đoạn văn và tạo lập văn bản

2. Môn Lịch sử

a. Hình thức kiểm tra

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, 1 tiết, học kì. Tỉ lệ: TNKQ (40%) + TL (60%) ở các khối 6,7,8,9.

b. Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

c. Nội dung ra đề

- Bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

+ Nhận biết và thông hiểu: 60% - 70%.

+ Vận dụng: 30% - 40% (trong đó Vận dụng cao: 10% - 20%).

3. Môn GDCD

a. Hình thức đề kiểm tra

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, KT GK và KTCK.

- Tỉ lệ: TNKQ (30%) + TL (70%) ở các khối 6,7.

- Tỉ lệ: TNKQ (40%) + TL (60%) ở các khối 8, 9.

b. Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

c. Nội dung ra đề

- Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng.

- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

+ Nhận biết và thông hiểu: 60% - 70%.

+ Vận dụng : 30% - 40% (Vận dụng cao: 10% - 20%)

4. Môn Toán

a. Hình thức, nội dung đề kiểm tra

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, kiểm tra GK và KTCK ở các khối 6, 7

Khối	Trắc nghiệm	Tự luận
6	30%	70%
7	30%	70%

Khối 8, 9 :

Khối	Trắc nghiệm	Tự luận
8	40%	60%
9	40%	60%

- Nội dung: Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng môn Toán.

* Với đề kiểm tra giữa kì (Thời gian KT 90 phút)

+ Ma trận đề xây dựng theo công văn 8773/BGDĐT-GDTrH.

+ Tính trọng số cho mỗi chủ đề theo công thức: số tiết của chủ đề/ số tiết toàn chương.

+ Tỷ lệ cho các cấp độ trong đề:

Cấp độ	Tỷ lệ
Nhận biết	30%
Thông hiểu	30%
Vận dụng thấp	30%
Vận dụng cao	10%

* Với bài kiểm tra cuối kỳ: (Thời gian KT 90 phút)

+ Ma trận đề theo công văn 8773/BGDĐT-GDTrH.

+ Cấp độ: theo tỷ lệ các cấp độ trong bài kiểm tra định kỳ.

+ Tỷ lệ giữa đại số (số học) và hình học như sau:

Khối	Tỷ lệ	
	Đại số (số học)	Hình học
6	80%	20%
7	65%	35%
8	65%	35%
9	65%	35%

b. Số lượng điểm KTTX

+ Quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

+ Đối với kiểm tra thường xuyên theo hình thức viết 15 phút các cấp độ trong đề kiểm tra thực hiện theo tỷ lệ của cấp độ trong bài kiểm tra định kỳ (không xây dựng ma trận đề trong kế hoạch dạy học)

5. Môn Vật lý

a. Hình thức đề kiểm tra

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết và kiểm tra học kỳ ở các khối 6, 7, 8, 9.

- Với bài kiểm tra thường xuyên:

Số điểm									
Tỉ lệ %									
Chủ đề n	Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra		Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra		Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra		Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra		
Số câu									
Số điểm									
Tỉ lệ %									
TS câu									
TS điểm									

b. Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

c. Nội dung ra đề

- Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng.
- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

- + Nhận biết và thông hiểu: 60% (trong đó nhận biết từ 20-30%)
- + Vận dụng: 40% (Vận dụng cao: 10%)

6. Môn Địa lý

a. Hình thức đề kiểm tra

- Đối với bài kiểm tra thường xuyên
- + Kiểm tra viết giấy: Có thể TNKQ 100% hoặc kết hợp TNKQ và TL. 1,0 điểm cho một câu TNKQ.

- Đối với bài kiểm tra định kì: Thời gian KT 45 phút

* Ma trận đề

- + Theo khung mẫu chuẩn bộ môn.
- + Dùng các động từ phù hợp với các cấp độ nhận thức
- + Tỉ lệ phù hợp với các cấp độ nhận thức
- * Đề kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận với tỉ lệ
- + Khối 6,7 trắc nghiệm khách quan: 30%
- + Khối 8,9 trắc nghiệm khách quan: 40%
- + Mỗi câu TNKQ đạt 0,25 điểm

b. Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

c. Nội dung ra đề

- Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng.

Số điểm Tỉ lệ									
Chủ đề n									
Số câu									
Số điểm Tỉ lệ									
Tổng số câu TS điểm Tỉ lệ	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %

b. Đối với đề kiểm tra thường xuyên

- Không cần xây dựng ma trận đề KT. Mỗi học kỳ có ít nhất 1 bài kiểm tra viết

- + Hình thức ra đề KT viết: Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm và tự luận
- + Tỉ lệ phần trăm của 2 hình thức: 30% TN : 70% TL
- + Điểm cho mỗi câu trắc nghiệm là 1,0 điểm.

c. Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

9. Môn Tiếng Anh

- Thực hiện theo công văn số 942/PGD&ĐT/V hướng dẫn dạy và học các môn Ngoại ngữ cấp trung học năm học 2022 -2023, cụ thể:

+ Công tác thiết lập biên soạn ra đề kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực học sinh: Tiếp tục thực hiện Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GD&ĐT về việc sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2015- 2016; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Các bài kiểm tra cần được thiết kế theo 4 mức độ nhận thức (nhận biết 30%; thông hiểu 40%; Vận dụng thấp 20%; Vận dụng cao 10%). Ma trận bài kiểm tra cần đảm bảo chuẩn nội dung cần đánh giá, tỷ lệ, số câu, số điểm của các mức độ vận dụng. Cập nhật những dạng bài tập, nhiệm vụ cho mỗi kỹ năng theo tiếp cận phát triển năng lực.

+ Thực hiện kiểm tra chung theo khối đảm bảo công bằng cho học sinh. Các trường tổ chức ra đề kiểm tra cuối kỳ theo cụm trường.

- Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT26/2020/TT-BGDĐT

11. Môn KHTN lớp 6,7

+ Thời gian KT 90 phút

+ Hình thức ra đề KT: Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm và tự luận

- + Tỷ lệ phần trăm của 2 hình thức: (40% TN, 60 % TN
- + Điểm cho mỗi câu trắc nghiệm là 0,25 điểm.
- + Tỷ lệ kiến thức ở 4 cấp độ tư duy như sau: Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng thấp: 20%, Vận dụng cao: 10%

12. Môn Lịch sử và địa lý lớp 6,7

- + Thời gian KT 90 phút
- + Hình thức ra đề KT: Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm và tự luận
- + Tỷ lệ phần trăm của 2 hình thức:
- + Điểm cho mỗi câu trắc nghiệm là 0,25 điểm.
- + Tỷ lệ kiến thức ở 4 cấp độ tư duy như sau: Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng thấp: 20%, Vận dụng cao: 10%.

12. Môn Tiếng Anh lớp 6,7

- + Thời gian KT 60 phút
- + Hình thức ra đề KT: Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm và tự luận
- + Tỷ lệ phần trăm của 2 hình thức:
- + Điểm cho mỗi câu trắc nghiệm là 0,25 điểm.
- + Tỷ lệ kiến thức ở 4 cấp độ tư duy như sau: Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng thấp: 20%, Vận dụng cao: 10%.

13. Các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục

- Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT. Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

+ Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau: Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra; Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

+ Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

- Số lượng điểm KTTX: quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

Lớp 6,7: Thực hiện theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-THCSHQ ngày 27/9/2022
của trường THCS Hoàng Quế)

QUY ĐỊNH SỐ BÀI KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỂM THƯỜNG XUYÊN THEO THÔNG TƯ 26/2020					
TT	Môn học	Lớp 8		Lớp 9	
		Số tiết/tuần	Số điểm (TX)	Số tiết/tuần	Số điểm (TX)
1	Ngữ văn	4	4	5	4
2	Toán	4	4	4	4
3	Tiếng Anh TD	3	4	3	4
	Tiếng Anh HH	3	4	2	3
4	GDCD	1	2	1	2
5	Lịch sử	1.5	3	1.5	3
6	Địa lý	1.5	3	1.5	3
7	Vật Lý	1	2	2	3
8	Hóa	2	3	2	3
9	Sinh	2	3	2	3
10	Công nghệ	1.5	3	1	2
11	TD	2	3	2	3
12	Nhạc	1	2	0.5	2
13	MT	1	2	0.5	2
	Tổng số	25,5		24,5	

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỂM THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI LỚP 6,7 THEO THÔNG TƯ 22/2021				
STT	Môn học		Số tiết/tuần	Số điểm (TX)
1	Ngữ văn		4	4
2	Toán		4	4
3	Ngoại ngữ 1		3	4
4	Giáo dục công dân		1	2
5	Lịch sử và địa lí	Lịch sử	2	2
		Địa lí	1	2
6	Khoa học tự nhiên	Hóa	1	1
		Lí	1	1
		Sinh	2	2
7	Công nghệ		1	2
8	Tin học		1	2
9	GDTC		2	2
10	Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1
		Mĩ thuật	1	1
11	HĐTN, HN	CC+SHCT	2	2
		TN CĐ	1	
12	GDDP		1	2

